

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC KẠN
THANH TRA SỞ

Số: 08/KL-TTrS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 3 năm 2025

KẾT LUẬN THANH TRA

việc chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch, chứng thực và nuôi con nuôi năm 2023 đối với UBND huyện, UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Quyết định số 16/QĐ-STP ngày 10/9/2024 của Thanh tra Sở Tư pháp, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch, chứng thực và nuôi con nuôi năm 2023 đối với UBND huyện, UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Từ ngày 09/01/2025 đến ngày 24/02/2025, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại các đơn vị được thanh tra (Ngày 24/9/2024 ban hành Văn bản số 20/CV-TTr tạm ngừng thanh tra trực tiếp; Ngày 07/01/2025 ban hành văn bản số 01/CV-TTr tiến hành thanh tra trực tiếp kể từ ngày 09/01/2025).

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 14/3/2025 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Huyện Na Rì có diện tích tự nhiên 85.300 ha, gồm 17 đơn vị hành chính (16 xã và 01 thị trấn); dân số toàn huyện khoảng 43.770 người, tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm khoảng 93%.

Trong những năm qua, công tác Tư pháp trên địa bàn huyện luôn nhận được sự quan tâm của Thường trực Huyện ủy, HĐND và UBND huyện trong lãnh đạo, chỉ đạo và bố trí, sắp xếp công chức, theo đó Phòng Tư pháp huyện năm 2023 được bố trí 03 công chức (01 Trưởng phòng và 02 Chuyên viên; có trình độ cử nhân Luật).

Việc bố trí, sắp xếp công chức làm công tác Tư pháp - Hộ tịch cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ của công tác tư pháp trên địa bàn (UBND các xã Dương Sơn, Đồng xá, Kim Hỷ, Liêm Thủy, Quang Phong, Văn Vũ, Xuân Dương và thị trấn Yên Lạc được bố trí 12 công chức; Đại học Luật 09; Trung cấp Luật 02; Trung cấp An ninh 01).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

(có phụ lục kèm theo)

III. KẾT LUẬN

1. Nhận xét, kết luận:

Phòng Tư pháp đã chủ động tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn được giao; Chỉ đạo và theo dõi, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác tư pháp, hộ tịch theo thẩm quyền.

Các đơn vị được thanh tra đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao cơ bản bảo đảm đúng quy định, đáp ứng yêu cầu của công dân. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại, hạn chế sau:

2. Đối với việc thực hiện chứng thực thuộc thẩm quyền

2.1. Việc mở sổ, ghi sổ: Sổ không đóng dấu giáp lai giữa các trang; ghi số thứ tự trong sổ không liên tục (ghi nhảy số, bỏ số, trùng số); không ghi vào sổ số việc đã thực hiện chứng thực.

2.2. Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 1 và 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

2.3. Về hồ sơ:

- Hợp đồng, giao dịch không ghi ngày, tháng, năm; không lưu bản sao giấy chứng nhận QSDĐ, giấy chứng minh nhân dân hoặc (Căn cước công dân), ...; bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho đứng tên một người, không có căn cứ chứng minh đủ điều kiện để được đứng tên một người trong hợp đồng; bên nhận chuyển nhượng và nhận tặng cho (đất trồng lúa) không có căn cứ chứng minh đủ điều kiện để được đứng tên một người trong hợp đồng và chứng minh là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp ...

- Chứng thực không đúng quy định tại Điều 35; Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

2.4. Lời chứng: Lời chứng chứng thực chữ ký không đúng mẫu quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.

2.5. Về lưu trữ hồ sơ: Không lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.6. Việc thu, nộp phí: Không thu, nộp đủ tiền phí chứng thực vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

3. Đối với thực hiện các việc hộ tịch

3.1. Việc ghi sổ: Không ghi ngày, tháng, năm cấp theo quy định tại khoản 5, Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; Không thực hiện đóng dấu giáp lai giữa các trang của sổ theo quy định tại khoản 2, Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.

- Sửa chữa sai sót khi ghi sổ không đúng quy định tại Điều 35, Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.

3.2. Về hồ sơ: Không có văn bản ủy quyền thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020.

- Thực hiện đăng ký lại khai sinh không có văn bản cam đoan đã nộp đủ giấy tờ mình có; các giấy tờ, tài liệu làm cơ sở đăng ký không đầy đủ thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con. Thực hiện không đúng quy định tại điểm d, khoản 3, khoản 4,

Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020.

- Sử dụng tờ khai đăng ký khai sinh không đúng mẫu quy định; lưu Giấy chứng sinh bản photo. Thực hiện không đúng quy định tại khoản 2, Điều 2; điểm a, khoản 1 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.

- Còn phát sinh đăng ký khai tử không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1, Điều 33 Luật Hộ tịch năm 2014.

3.3. Về thu, nộp lệ phí: Không thu, nộp đủ tiền lệ phí hộ tịch vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022.

II. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: Không.

III. Kiến nghị các biện pháp xử lý

1. Yêu cầu UBND huyện Na Rì

- Tổ chức họp với Phòng Tư pháp và UBND các xã, thị trấn để rút kinh nghiệm và chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai sót đã kết luận qua thanh tra.

- Chỉ đạo và yêu cầu UBND các xã, thị trấn chấn chỉnh việc thực hiện công tác tư pháp - hộ tịch trên địa bàn; kiểm điểm làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân chưa chấp hành đúng các quy định của nhà nước dẫn đến các hạn chế, sai sót đã kết luận qua thanh tra.

- Chỉ đạo và yêu cầu Phòng Tư pháp:

- + Tham mưu UBND huyện định kỳ tổ chức họp với UBND các xã, thị trấn để kịp thời nắm bắt, chỉ đạo thực hiện công tác tư pháp - hộ tịch.

- + Thường xuyên tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác tư pháp - hộ tịch đối với UBND các xã, thị trấn theo thẩm quyền.

- + Chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi UBND các xã, thị trấn kịp thời chấp hành, khắc phục, hoàn chỉnh những tồn tại, hạn chế, sai sót đã kết luận qua thanh tra.

2. Yêu cầu UBND các xã, thị trấn.

2.1. UBND xã Đồng xá

- Nộp vào ngân sách nhà nước số tiền phí chứng thực chưa thu là 29.000, đồng (Hai mươi chín nghìn đồng).

2.2. UBND xã Xuân Dương

- Bổ sung vào hồ sơ đăng ký khai sinh số 24 bản chính Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ thay thế Giấy chứng sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Hộ tịch năm 2014 đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.

- Nộp vào ngân sách nhà nước số tiền phí chứng thực chưa thu 50.000, đồng (Năm mươi nghìn đồng).

2.3. UBND xã Dương Sơn

- Nộp vào ngân sách nhà nước số tiền phí chứng thực và lệ phí hộ tịch đã thu, chưa thu 1.127.000, đồng (*Một triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

2.4. UBND xã Liêm Thủy

- Nộp vào ngân sách nhà nước số tiền lệ phí hộ tịch chưa thu 39.000, đồng (*Ba mươi chín nghìn đồng*).

2.5. UBND xã Kim Hỷ

- Nộp vào ngân sách nhà nước số tiền lệ phí hộ tịch chưa thu 33.000, đồng (*Ba mươi ba nghìn đồng*).

2.6. UBND xã Văn Vũ

- Nộp vào ngân sách nhà nước số tiền phí chứng thực và lệ phí hộ tịch đã thu, chưa thu 1.760.000, đồng (*Một triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Yêu cầu UBND các xã thu và nộp số tiền phí, lệ phí đã thu, chưa thu vào tài khoản số 7111 (Tài khoản thu ngân sách tỉnh Bắc Kạn) mở tại Phòng giao dịch số 3, Kho bạc Nhà nước khu vực VI (*nội dung ghi nộp, theo kết luận của Thanh tra Sở Tư pháp*).

Các đơn vị được thanh tra báo cáo kết quả thực hiện các nội dung kiến nghị về Thanh tra Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn trước ngày 30/4/2025.

Trên đây là kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch, chứng thực và nuôi con nuôi năm 2023 đối với UBND huyện, UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc Sở TP;
- UBND huyện Na Rì;
- Phòng Tư pháp huyện Na Rì;
- UBND các xã, thị trấn: (*Yến Lạc, Dương Sơn, Đồng Xá, Kim Hỷ, Liêm Thủy, Quang Phong, Văn Vũ, Xuân Dương*).
- Lưu TTra; Hồ sơ.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Đức Thiêm



Phụ lục kèm theo Kết luận số: /KL-TTrS ngày tháng 3 năm 2025 của
Chánh Thanh tra Sở Tư pháp

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. UBND huyện Na Rì (Phòng Tư pháp)

1.1 Việc hướng dẫn, chỉ đạo đối với UBND các xã, thị trấn

Đã chủ động tham mưu, ban hành: Kế hoạch số 02/KH-TP ngày 11/01/2023 về công tác tư pháp năm 2023; Văn bản số 320/UBND-TP ngày 14/02/2023 về việc thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến chuyển nhượng, tặng cho đất trồng lúa; Văn bản số 2234/UBND-TP ngày 22/7/2023 triển khai thực hiện liên thông điện tử đối với 02 nhóm thủ tục hành chính và hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch liên quan đến sổ định danh cá nhân; Văn bản số 2293/UBND-TP ngày 02/08/2023 về việc nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng bản sao điện tử, bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính; Văn bản số 2857/UBND-TP ngày 20/09/2023 thực hiện một số nội dung liên quan tới thẩm quyền quản lý, xử lý dữ liệu trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch; Văn bản 2908/UBND-TP ngày 22/9/2023 về việc cập nhập dữ liệu số hóa Sổ hộ tịch vào Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; Văn bản số 2995/UBND-TP ngày 29/09/2023 thực hiện Văn bản số 1015/STP-HCTP&BTTP ngày 27/9/2023 của Sở Tư pháp, về việc đẩy mạnh triển khai thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; Kế hoạch số 195/KH-PTP ngày 19/9/2023 kiểm tra nghiệp vụ công tác Tư pháp - Hộ tịch cấp xã năm 2023 (*kiểm tra công tác Tư pháp - Hộ tịch xã Sơn Thành, Dương Sơn và Đồng Xá*).

Tổ chức 02 Hội nghị giao ban công tác Tư pháp (*sơ kết 6 tháng đầu năm 2023 và tổng kết công tác Tư pháp năm 2023, triển khai nhiệm vụ năm 2024*).

1.2. Việc thực hiện chứng thực theo thẩm quyền

1.2.1. Về chứng thực bản sao từ bản chính

- Tổng số việc thực hiện 873 việc.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ và khoá sổ theo quy định.

1.2.2. Về chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Số việc thực hiện 03.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ và khoá sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: 02 Hợp đồng không ghi ngày, tháng, năm (*số 01 ngày 10/01/2023; số 02 ngày 27/01/2023*). Thực hiện không đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.

1.3. Thực hiện các việc đăng ký hộ tịch

1.3.1. Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc

- Tổng số việc thực hiện 62 (Thay đổi, cải chính 51; Xác định lại dân tộc 11).
- Về hồ sơ: Bảo đảm phù hợp theo quy định.
- Về sổ đăng ký: Mở sổ, ghi sổ và khóa sổ theo quy định.

1.3.2. Việc đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài

- Số việc thực hiện 01.
- Về hồ sơ: Bảo đảm phù hợp theo quy định.
- Về sổ đăng ký: Mở sổ, ghi sổ và khóa sổ theo quy định.

1.3.3. Việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài

- Số việc thực hiện 02.
- Về hồ sơ: Bảo đảm phù hợp theo quy định.
- Về sổ đăng ký: Mở sổ, ghi sổ và khóa sổ theo quy định.

1.3.4. Việc thu, nộp phí, lệ phí: Thực hiện thu và nộp ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định.

2. Đối với UBND các xã, thị trấn

2.1. UBND thị trấn Yên Lạc

2.1.1. Về chứng thực bản sao từ bản chính

- Tổng số việc thực hiện 9.327.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ theo quy định.
- Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

2.1.2. Về chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Tổng số việc thực hiện 591.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ theo quy định.
- Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.
- Về hồ sơ: 06 hồ sơ không lưu bản sao Giấy chứng tử của người để lại di sản (số 105, 190, 191, 516, 527, 532, 580); 08 hồ sơ không lưu bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân của người yêu cầu chứng thực (số 10, 43, 66, 68, 86, 95, 113, 134); 73 hồ sơ bên nhận chuyển nhượng đứng tên một người (số 08, 23, 28, 30, 42, 49, 53, 59, 65, 72, 77, 81, 82, 85, 96, 102, 104, 109, 112, 114, 115, 121, 141, 142, 160, 187, 197, 230, 231, 233, 234, 238, 239, 254, 255, 261, 267, 274, 285, 288, 314, 316, 334, 350, 357, 359, 362, 368, 394, 397, 398, 414, 417, 425, 437, 448, 449, 450, 461, 467, 484, 491, 498, 501, 507, 517, 524, 529, 533, 534, 537, 561, 564); 04 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đất trồng lúa) không có giấy tờ chứng minh bên nhận chuyển nhượng là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp (số 58, 236, 369, 569); 59 hồ sơ (số 11, 13, 27, 28, 41, 53, 58, 85, 96, 97, 103, 141, 142, 197, 223, 226, 230, 231, 232, 238, 254, 289, 314, 334, 388, 398, 411, 420, 449, 450, 461, 480,

483, 487, 495, 496, 515, 518, 529, 534, 537, 566, 569, 581, 135, 150, 152, 161, 162, 192, 227, 229, 245, 251, 321, 327, 328, 385, 554) bên chuyên nhượng, tặng cho đứng tên một người (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lưu trong hồ sơ cấp cho ông, bà*). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 35, khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; Điều 24, khoản 1, Điều 29, khoản 1, Điều 33 và Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 191 Luật Đất đai năm 2013.

Khoản 3, Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: “*Đối với việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, cơ quan thực hiện chứng thực phải lưu một bản chính hợp đồng, giao dịch kèm theo hồ sơ; thời hạn lưu trữ là 20 (hai mươi) năm*”.

Khoản 2, Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: “...; *Người thực hiện chứng thực có quyền từ chối chứng thực hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội*”.

Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: “...; *Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực*”.

Khoản 2, Điều 35 quy định: “... *Người thực hiện chứng thực có quyền từ chối chứng thực hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội*”.

Điều 24 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “1. *Việc đại diện giữa vợ và chồng trong xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch được xác định theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.*

2. *Vợ, chồng có thể ủy quyền cho nhau xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch mà theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan phải có sự đồng ý của cả hai vợ chồng*...”.

Khoản 1, Điều 29 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập*”.

Khoản 1, Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “... *Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng*”.

Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “1. *Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận.*

2. *Việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng trong những trường hợp sau đây: a) Bất động sản; ...*”.

Khoản 3, Điều 191 Luật Đất đai quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa*”.

2.1.3. Về chứng thực chữ ký

- Tổng số việc thực hiện 71 việc.

- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ theo quy định.
- Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.
- Về hồ sơ: 50 hồ sơ (số 07, 08, 09, 10, 13, 15, 16, 19, 22, 23, 26, 29, 30, 31, 33, 34, 35, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71). Lời chứng (*chứng thực chữ ký của nhiều người trong một giấy tờ văn bản*) không đúng mẫu quy định tại Điều 3 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.
- + Điều 3 Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định: *“Ban hành kèm theo Thông tư này mẫu lời chứng chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; ...”*.

2.1.4. Thực hiện các việc hộ tịch

Việc đăng ký khai sinh

- Tổng số việc thực hiện 115 (đúng hạn 57, không đúng hạn 02, đăng ký lại 56).
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Tất cả 56 hồ sơ đăng ký lại khai sinh đều không có văn bản cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ mình có theo quy định tại khoản 3, Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020.
- + Khoản 3, Điều 9 quy định: *“... Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật theo quy định tại Điều 5 Thông tư này”*.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch.

- Số việc thực hiện 06 (Thay đổi, cải chính hộ tịch 04; Bổ sung hộ tịch 02).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Đã mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký khai tử

- Số việc thực hiện 34 (Đúng hạn 27; quá hạn 07).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: 06 hồ sơ đăng ký không đúng thời hạn (Số 11/2023; 18/2023; 19/2023; 22/2023; 23/2023; 24/2023). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 33 Luật Hộ tịch năm 2014.

+ Khoản 1, Điều 33 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định: *“Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có người chết thì vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết có trách nhiệm đi đăng ký khai tử; ...”*.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký kết hôn

- Số việc thực hiện 26 (Đăng ký lại 01).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ: Mở sổ, ghi sổ, khoá sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Số việc thực hiện 55.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ: Mở sổ, ghi sổ, khoá sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký nhận cha, mẹ, con

- Số việc thực hiện 02.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ: Mở sổ, ghi sổ, khoá sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp bản sao trích lục hộ tịch

- Số việc thực hiện 406.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ: Mở sổ, ghi sổ, khoá sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.1.5. Việc thu, nộp phí, lệ phí

- Số phí, lệ phí phải thu 91.762.000, đồng (*Chín mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).
- Số phí, lệ phí đã thu, nộp NSNN 91.762.000, đồng (*Chín mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Thực hiện thu và nộp ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định.

2.1.7. Trách nhiệm cá nhân đối với tồn tại, hạn chế

- Ông Hoàng Ngọc Thuyên - Chủ tịch UBND thị trấn;
- Bà Nông Thị Tâm - Phó Chủ tịch UBND thị trấn;
- Bà Hoàng Thị Nam - Công chức Tư pháp - hộ tịch;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

2.2. UBND xã Quang Phong

2.2.1. Về chứng thực bản sao từ bản chính

- Tổng số việc thực hiện 1.339.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ theo quy định.
- Việc khoá sổ: Không thực hiện khoá sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

2.2.2. Về chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Số việc thực hiện 74.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ theo quy định.

- Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

- Về hồ sơ: 05 hồ sơ bên nhận chuyển nhượng đứng tên một người (số 09, 24, 53, 71, 73, 74); 10 hồ sơ tăng cho quyền sử dụng đất, bên tặng cho đứng tên một người (số 16, 18, 19, 20, 22, 56, 57, 60, 68, 70); 26 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đất trồng lúa) không có giấy tờ chứng minh bên nhận chuyển nhượng là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp (số 01, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 24, 28, 29, 35, 36, 37, 38, 41, 43, 46, 47, 49, 50, 51, 52, 53, 71, 73, 74); Hồ sơ số 30 không lưu bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực hiện không đúng quy định tại khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Điều 24, khoản 1, Điều 29, khoản 1, Điều 33 và Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 191 Luật Đất đai năm 2013.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.2.3. Về chứng thực chữ ký

- Số việc thực hiện 41.

- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ theo quy định.

- Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.2.4. Thực hiện các việc hộ tịch

Việc đăng ký khai sinh

- Số việc thực hiện 31 (đúng hạn 22, không đúng hạn 01, đăng ký lại 08).

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.

- Về hồ sơ: 05 hồ sơ đăng ký lại khai sinh (số 08 ngày 21/4/2023; số 09 ngày 05/5/2023; số 10 ngày 05/5/2023; số 28 ngày 16/10/2023; số 30 ngày 26/12/2023) không có văn bản cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ mình có theo quy định tại khoản 3, Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch

- Số việc thực hiện 01.

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký nhận cha, mẹ con

- Số việc thực hiện 01.

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký khai tử

- Số việc thực hiện 10 việc (đúng hạn 08; quá hạn 01; đăng ký lại 01).

- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ: Mở sổ, ghi sổ, khoá sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký kết hôn

- Số việc thực hiện 11 (đăng ký lại kết hôn 01).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ: Mở sổ, ghi sổ, khoá sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Số việc thực hiện 23.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ: Mở sổ, khoá sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp bản sao trích lục hộ tịch

- Số việc thực hiện 48.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ: Mở sổ, ghi sổ, khoá sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.2.5. Việc thu, nộp phí, lệ phí

- Số phí, lệ phí phải thu 10.442.000, đồng (*Mười triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).
- Số phí, lệ phí đã thu 10.442.000, đồng (*Mười triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).
- Số phí, lệ phí đã nộp NSNN 10.442.000, đồng (*Mười triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Thực hiện thu và nộp ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định.

2.2.6. Trách nhiệm cá nhân đối với tồn tại, hạn chế:

- Ông Hà Văn Huân - Chủ tịch UBND xã;
- Ông Hà Văn Trinh - Phó Chủ tịch UBND xã;
- Bà Vũ Thị Anh - Công chức Tư pháp - Hộ tịch;
- Bà Lý Thị Tuyền - Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

2.3. UBND xã Đồng Xá

2.3.1. Về chứng thực bản sao từ bản chính

- Tổng số việc thực hiện 1.524.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ theo quy định.
- Việc khoá sổ: Không thực hiện khoá sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

2.3.2. Về chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Số việc thực hiện 81.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ theo quy định.
- Việc khoá sổ: Không thực hiện khoá sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

- Về hồ sơ: 27 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 08 hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng và tặng cho đứng tên một người (số 01, 03, 04, 10, 22, 33, 34, 37, 39, 43, 49, 50, 53, 55, 56, 59, 60, 61, 64, 65, 66, 68, 69, 70, 74, 75, 76; số 05, 12, 27, 28, 29, 36, 58, 67); 10 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đất trồng lúa) không có giấy tờ chứng minh bên nhận chuyển nhượng là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp (số 01, 04, 10, 15, 33, 34, 49, 51, 52, 57); 15 hồ sơ bên nhận chuyển nhượng đứng tên một người (số 03, 20, 22, 26, 37, 43, 50, 55, 59, 60, 64, 66, 70, 76, 80); 07 hồ sơ ủy quyền và 03 hồ sơ phân chia tài sản thừa kế, khai nhận di sản thừa kế hồ sơ không lưu bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân của người yêu cầu chứng thực, Giấy chứng tử của người để lại di sản (số 02, 06, 07, 09, 11, 13, 14, 16, 17; 19). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Điều 24, khoản 1, Điều 29, khoản 1, Điều 33 và Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 191 Luật Đất đai năm 2013.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.3.3. Về chứng thực chữ ký

- Số việc thực hiện 06.

- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ theo quy định.

- Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ thiếu 01 hồ sơ (Số 06). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.

2.3.4. Thực hiện các việc hộ tịch

Việc đăng ký khai sinh

- Số việc thực hiện 40 (đúng hạn 25; đăng ký lại 15).

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định; hồ sơ số 32 và 35 thực hiện sửa chữa sai sót khi ghi sổ không đúng quy định tại Điều 35, Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.

- Về hồ sơ: 02 hồ sơ đăng ký lại khai sinh (số 10 ngày 06/6/2023; số 12 ngày 14/6/2023) không có văn bản cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ mình có theo quy định tại khoản 3, Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký khai tử

- Số việc thực hiện 20 (đúng hạn 17; đăng ký lại 03).

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.

- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần theo quy định.

- Việc lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký kết hôn

- Số việc thực hiện 15.

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Việc lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Số việc thực hiện 20.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định; Không thực hiện đóng dấu giáp lai giữa các trang của sổ (*từ số 01/2023 đến số 20/2023*). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 2, Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.

- Việc lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch

- Số việc thực hiện 07 (Thay đổi, cải chính hộ tịch 06; Bổ sung hộ tịch 01).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký nhận cha, mẹ con

- Số việc thực hiện 01.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp bản sao trích lục hộ tịch

- Số việc thực hiện 28 việc.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.3.5. Việc thu, nộp phí, lệ phí

- Số phí, lệ phí phải thu 10.444.000,đ (*Mười triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).
 - Số phí, lệ phí đã thu 10.415.000,đ (*Mười triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng*).
 - Số phí, lệ phí đã nộp NSNN 10.415.000,đ (*Mười triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng*).
 - Số phí chứng thực chưa thu, nộp NSNN 29.000,đ (*Hai mươi chín nghìn đồng*).
- Thực hiện không đúng quy định tại Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

2.3.6. Trách nhiệm cá nhân đối với tồn tại, hạn chế

- | | |
|---------------------|--------------------------------|
| - Ông Nông Văn Đông | - Chủ tịch UBND xã; |
| - Ông Nông Văn Quý | - Phó Chủ tịch UBND xã; |
| - Bà Hà Thị Tuyết | - Công chức Tư pháp - Hộ tịch; |
| - Ông Tô Viết Hưng | - Công chức Tư pháp - Hộ tịch; |

2.4. UBND xã Xuân Dương

2.4.1. Về chứng thực bản sao từ bản chính

- Tổng số việc thực hiện 1.770.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ:
 - + Mở sổ theo dõi đúng quy định.
 - + Ghi sổ không đúng quy định {ghi trùng số (từ số 266 đến 290)}; không thực hiện đóng dấu giáp lai giữa các trang sổ. Thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.
 - + Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 1, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

2.4.2. Về chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Số việc thực hiện 43.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, khóa sổ theo quy định.
- + Việc ghi sổ: Không ghi vào sổ 01 việc (số 21 ngày 11/5/2023). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.
- Về hồ sơ: 09 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 06 hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng và tặng cho đứng tên một người (số 01, 14, 15, 16, 22, 23, 34, 36, 41; 13, 21, 33, 35, 40, 42); 13 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên nhận chuyển nhượng đứng tên một người (số 01, 09, 10, 14, 15, 16, 17, 22, 23, 24, 34, 36, 41). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 29, khoản 1, Điều 33 và Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.4.3. Về chứng thực chữ ký

- Số việc thực hiện 05.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.4.4. Thực hiện các việc hộ tịch

Việc đăng ký khai sinh

- Số việc thực hiện 27 (đúng hạn 23; đăng ký lại 04).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Hồ sơ số 01, số căn cước công dân của người đi thực hiện đăng ký khai sinh ghi trong sổ và tờ khai không giống nhau; 02 hồ sơ, tờ khai đăng ký lại khai sinh không đúng mẫu quy định (số 05 ngày 17/02/2023; 06 ngày 23/02/2023); 02 hồ sơ sửa chữa sai sót khi ghi sổ không đúng quy định (số 06 ngày 23/02/2023; số 15 ngày 09/8/2023); hồ sơ số 24 lưu Giấy chứng sinh bản photo. Thực hiện không đúng quy định tại khoản 2, Điều 2; điểm a, khoản 1 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; Điều 35, Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký khai tử

- Số việc thực hiện 18 (đúng hạn 18).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ đúng quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký kết hôn

- Số việc thực hiện 13.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định. Tuy nhiên, còn có sửa chữa, sai sót khi ghi sổ 02 hồ sơ (*số 05 ngày 21/3/2023, số 07 ngày 31/5/2023*) thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Số việc thực hiện 20.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Việc lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp bản sao trích lục hộ tịch

- Số việc thực hiện 23.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.4.5. Việc thu, nộp phí, lệ phí vào NSNN

- Số tiền phí, lệ phí phải thu 8.650.000, đồng (*Tám triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).
- Số tiền phí, lệ phí đã thu 8.600.000, đồng (*Tám triệu, sáu trăm nghìn đồng*).
- Số tiền phí, lệ phí đã nộp NSNN 8.600.000, đồng (*Tám triệu, sáu trăm nghìn đồng*).
- Số tiền phí chứng thực chưa thu, nộp NSNN 50.000, đồng (*Năm mươi nghìn đồng*). Thực hiện không đúng quy định tại Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

2.4.6. Trách nhiệm của cá nhân đối với tồn tại, hạn chế

- Ông Hoàng Văn Thường - Chủ tịch UBND xã;
- Ông Lô Văn Lê - Phó Chủ tịch UBND xã;
- Ông Hoàng Văn Thành - Công chức Tư pháp - Hộ tịch;
- Ông Lô Văn Khoa - Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

2.5. UBND xã Dương Sơn

2.5.1. Về chứng thực bản sao từ bản chính

- Tổng số việc thực hiện 549.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ đúng quy định.
- Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

2.5.2. Về chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Số việc thực hiện 89.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ đúng quy định.
- Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.
- Về hồ sơ: 09 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 09 hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng và tặng cho đứng tên một người (số 03, 09, 14, 15, 16, 17, 18, 23, 37, 39, 42, 47, 50, 53, 58, 75, 79, 84); 27 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Đất trồng lúa) không có giấy tờ chứng minh bên nhận chuyển nhượng là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp và không lưu bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân của người yêu cầu chứng thực (số 03, 09, 11, 14, 16, 17, 18, 19, 24, 25, 26, 27, 30, 32, 33, 34, 42, 57, 62, 63, 64, 66, 79, 80, 81, 84, 89); 03 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, 02 hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất và 07 hồ sơ ủy quyền không lưu bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân của người yêu cầu chứng thực (số 04, 05, 08, 10, 13, 31, 12, 22, 35, 36, 38, 40). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Điều 24, khoản 1, Điều 29, khoản 1, Điều 33 và Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 191 Luật Đất đai năm 2013.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.5.3. Về chứng thực chữ ký

- Số việc thực hiện là 06.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.5.4. Thực hiện các việc hộ tịch

Việc đăng ký khai sinh

- Số việc thực hiện 39 (đúng hạn 27, quá hạn 01; đăng ký lại 11).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: 02 hồ sơ đăng ký lại khai sinh, các giấy tờ, tài liệu làm cơ sở đăng ký không đầy đủ thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con (số 16 ngày 13/6/2023; số 23 ngày 22/9/2023). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 4, Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký khai tử

- Số việc thực hiện 08 (đúng hạn 08).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký kết hôn

- Số việc thực hiện 11.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.

- Việc lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Số việc thực hiện 15.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Việc lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch

- Số việc thực hiện 01.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi, khóa sổ theo quy định.
- + Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- + Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp bản sao trích lục hộ tịch

- Số việc thực hiện 13.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định

2.5.5. Việc thu, nộp tiền phí, lệ phí vào NSNN

- Số tiền phí, lệ phí phải thu 6.648.000,đồng (*Sáu triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).
- Số tiền phí, lệ phí đã thu 6.556.000,đồng (*Sáu triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).
- Số tiền phí, lệ phí đã nộp NSNN 5.521.000,đồng (*Năm triệu, năm trăm hai mươi một nghìn đồng*).
- Số tiền phí, lệ phí chưa thu, nộp NSNN 1.127.000,đồng (*Một triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

Thực hiện không đúng quy định tại Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022.

UBND xã quản lý việc thu, nộp tiền phí chứng thực, lệ phí hộ tịch không đúng quy định tại Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022.

2.5.6. Trách nhiệm của cá nhân đối với tồn tại, hạn chế

- Ông Lý Văn Thao - Chủ tịch UBND xã;

- Ông Đàm Văn Luận - Phó Chủ tịch UBND xã;
- Ông Hoàng Văn Thắng - Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

2.6. UBND xã Liêm Thủy

2.6.1. Về chứng thực bản sao từ bản chính

- Tổng số việc thực hiện 833.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ đúng quy định.
- + Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

2.6.2. Về chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Số việc thực hiện 28.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ:
- + Hồ sơ số 21 ngày 10/10/2023, lời chứng không ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của UBND xã. Thực hiện không đúng quy định tại khoản 4, Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.

+ 07 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng đứng tên một người (số 17, 19, 20, 23, 24, 26, 27); 05 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất bên nhận chuyển nhượng đứng tên một người (số 03, 17, 19, 20, 28); 03 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Đất trồng lúa) không có giấy tờ chứng minh bên nhận chuyển nhượng là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp (số 07, 10, 28). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 29, khoản 1, Điều 33 và Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 191 Luật Đất đai năm 2013.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.6.3. Về chứng thực chữ ký

- Số việc thực hiện 09.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.6.4. Thực hiện các việc hộ tịch

Việc đăng ký khai sinh

- Số việc thực hiện 22 (đúng hạn 07, quá hạn 01; đăng ký lại 14).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Hồ sơ đăng ký lại khai sinh số 03 ngày 13/02/2023 các giấy tờ, tài liệu làm cơ sở đăng ký không đầy đủ thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con. Thực hiện không đúng quy định tại khoản 4, Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký khai tử

- Số việc thực hiện 11 (đúng hạn 09; quá hạn 02).

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ đúng quy định.
 - Về hồ sơ: 02 hồ sơ đăng ký không đúng thời hạn (*số 01/2023; số 10/2023*).
- Thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 33 Luật Hộ tịch năm 2014.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký kết hôn

- Số việc thực hiện 04 (Đăng ký kết hôn 03; đăng ký lại kết hôn 01).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Việc lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Số việc thực hiện 06.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch

- Số việc thực hiện 01.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp bản sao trích lục hộ tịch

- Số việc thực hiện 24.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.6.5. Việc thu, nộp phí, lệ phí

- Số phí, lệ phí phải thu 4.505.000,đ (*Bốn triệu, năm trăm linh năm nghìn đồng*).
- Số phí, lệ phí đã thu 4.466.000,đ (*Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).
- Số phí, lệ phí đã nộp NSNN 4.466.000,đ (*Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

- Số tiền lệ phí hộ tịch chưa thu, nộp NSNN 39.000,đ (*Ba mươi chín nghìn đồng*). Thực hiện không đúng quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022.

2.6.6. Trách nhiệm của các cá nhân đối với tồn tại, hạn chế:

- | | |
|----------------------|--------------------------------|
| - Ông Hà Văn Chung | - Chủ tịch UBND xã; |
| - Ông Triệu Văn Ngân | - Phó Chủ tịch UBND xã; |
| - Bà Nguyễn Thị Huệ | - Công chức Tư pháp - Hộ tịch; |
| - Ông Hà Quang Thức | - Công chức Tư pháp - Hộ tịch. |

2.7. UBND xã Kim Hỷ

2.7.1. Về chứng thực bản sao từ bản chính

- Tổng số việc thực hiện 1.051.
- Việc mở sổ, ghi sổ: Mở sổ, ghi sổ đúng quy định.
- + Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

2.7.2. Về chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Số việc thực hiện 49.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: 06 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 04 hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng và tặng cho đứng tên một người (số 01, 06, 22, 36; 37; 38, 47; 43; 44; 45); 22 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, (Đất trồng lúa), bên nhận chuyển nhượng đứng tên một người và không có giấy tờ chứng minh là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp (số 01, 02, 09, 14, 15, 16, 18, 21, 22, 23, 24, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36; 37; 38, 46, 47). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 29, khoản 1, Điều 33 và Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 191 Luật Đất đai năm 2013.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.7.3. Về chứng thực chữ ký:

- Số việc thực hiện 02.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.7.4. Thực hiện các việc hộ tịch

Việc đăng ký khai sinh

- Số việc thực hiện 32 (đúng hạn 19; đăng ký lại 13).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký khai tử

- Số việc thực hiện 13 (đúng hạn 10; quá hạn 03).
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: 03 hồ sơ đăng ký không đúng thời hạn (số 04, 07, 10). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 33 Luật Hộ tịch năm 2014.

Việc đăng ký kết hôn

- Số việc thực hiện 12.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Số việc thực hiện 15.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ: Mở sổ, ghi sổ và khoá sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Hồ sơ số 03/2023 thực hiện không đúng thời hạn (*Tờ khai đề ngày 08/01/2023; Sổ cấp ghi ngày 08/02/2023*). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015.

+ Hồ sơ số 08/2023: Văn bản ủy quyền không đúng quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký nuôi con nuôi

- Số việc thực hiện 01.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ: Mở sổ, ghi sổ, khoá sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp bản sao trích lục hộ tịch

- Số việc thực hiện 18.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ: Mở sổ, ghi sổ, khoá sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.7.6. Việc thu, nộp phí, lệ phí

- Số phí, lệ phí phải thu 7.333.000, đồng (*Bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*).
- Số phí, lệ phí đã thu 7.300.000, đồng (*Bảy triệu, ba trăm nghìn đồng*).
- Số phí, lệ phí đã nộp NSNN 7.300.000, đồng (*Bảy triệu, ba trăm nghìn đồng*).
- Số tiền lệ phí hộ tịch chưa thu, nộp NSNN 33.000, đồng (*Ba mươi ba nghìn đồng*). Thực hiện không đúng quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022.

2.7.7. Trách nhiệm của cá nhân đối với tồn tại, hạn chế

- Ông Nguyễn Duy Huế - Chủ tịch UBND xã;
- Ông Hoàng Văn Khải - Phó Chủ tịch UBND xã;
- Bà Chu Thị Ngân - Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

2.8. UBND xã Văn Vũ

2.8.1. Về chứng thực bản sao từ bản chính

- Tổng số việc thực hiện 2.008.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ:
- + Mở sổ theo dõi đúng quy định.
- + Ghi sổ không đúng quy định {ghi trùng số (99 số); ghi trùng số (từ số 1265 đến 1363 và từ số 1692 đến 1715); ghi nhảy số (bỏ 20 số, từ số 1655 đến số 1675)}; không thực hiện đóng dấu giáp lai giữa các trang sổ. Thực hiện không đúng quy định

tại khoản 1, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

+ Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 1, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

2.8.2. Về chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Số việc thực hiện 91.

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ:

+ Mở sổ theo dõi đúng quy định.

+ Ghi sổ không đúng quy định {ghi nhảy số (bỏ số 73)}; không thực hiện đóng dấu giáp lai giữa các trang sổ. Thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

+ Việc khóa sổ: Không thực hiện khóa sổ đúng quy định tại khoản 1, Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

- Về hồ sơ: 20 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đất trồng lúa) không có giấy tờ chứng minh bên nhận chuyển nhượng là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp, bên nhận chuyển nhượng đứng tên một người (số 08, 15, 26, 32, 33, 35, 39, 40, 45, 52, 55, 64, 70, 75, 81, 84, 85, 86, 90, 100); 17 hồ sơ bên chuyển nhượng, tặng cho đứng tên một người (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lưu trong hồ sơ cấp cho ông, bà). (số 29, 35, 39, 40, 47, 49, 54, 55, 58, 65, 66, 67, 68, 75, 84, 85, 99). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 35, khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; Điều 24, khoản 1, Điều 29, khoản 1, Điều 33 và Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 191 Luật Đất đai năm 2013.

+ Hồ sơ số 14 ngày 28/3/2023 (thế chấp quyền sử dụng đất), không lưu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số CA 638759; CA 638764; CA 638756; CA 638750; CA 675252; CA 638751; CA 638754; CA 638757; số CA 638755; CA 675251 do UBND huyện Na Rì cấp ngày 03/4/2015; AM 231204 do UBND huyện Na Rì cấp ngày 26/6/2009). Thực hiện không đúng quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

+ Hồ sơ số 30 ngày 12/6/2023, không ghi ngày, tháng, năm giao kết hợp đồng. Thực hiện không đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; thu phí chứng thực 10.000,đ. Thực hiện không đúng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 4 Thông tư số 226/2016-TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ thiếu 07 hồ sơ (số 03; 04; 13; 48; 51; 62; 74). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 3, Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.

Về chứng thực chữ ký:

- Số việc thực hiện 08.

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.

- Về lưu trữ hồ sơ: Không lưu trữ hồ sơ theo quy định. Thực hiện không đúng quy định tại khoản 2, Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.

2.8.4. Thực hiện các việc hộ tịch

Việc đăng ký khai sinh

- Số việc thực hiện 62 (đúng hạn 41; đăng ký lại 21).
 - Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định. Tuy nhiên, có 04 hồ sơ thực hiện sửa chữa sai sót khi ghi sổ không đúng quy định (số 35 ngày 08/9/2023, số 39 ngày 12/9/2023, số 46 ngày 22/9/2023, số 56 ngày 07/11/2023). Thực hiện không đúng quy định tại Điều 35, Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020.

- Về hồ sơ: 03 hồ sơ đăng ký lại, tờ khai không ghi thông tin cơ quan đã đăng ký khai sinh trước đây (mục 6), (số 03 ngày 12/01/2023; số 04 ngày 16/01/2023; số 11 ngày 09/5/2023). Thực hiện không đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015.

+ 06 hồ sơ đăng ký lại, không có giấy ủy quyền (số 04 ngày 16/01/2023; số 11 ngày 09/5/2023; số 16 ngày 01/6/2023; số 21 ngày 12/6/2023; số 25 ngày 20/6/2023; số 26 ngày 20/6/2023). Thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020.

+ 08 hồ sơ đăng ký lại, tờ khai không đúng mẫu quy định (số 27 ngày 03/7/2023; số 30 ngày 03/8/2023; số 37 ngày 06/9/2023; số 40 ngày 12/9/2023; số 42 ngày 14/9/2023; số 48 ngày 06/10/2023; số 50 ngày 10/10/2023; số 59 ngày 21/11/2023). Thực hiện không đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015.

+ 04 hồ sơ đăng ký lại khai sinh (số 11 ngày 14/12/2023; 15 ngày 30/5/2023; 16 ngày 01/6/2023; 62 ngày 14/12/2023) các giấy tờ, tài liệu làm cơ sở đăng ký không đầy đủ thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con. Thực hiện không đúng quy định tại khoản 4, Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020.

- Về hồ sơ lưu trữ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký khai tử

- Số việc thực hiện 25 (đúng hạn 23; quá hạn 01; đăng ký lại 01).

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.

- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký kết hôn

- Số việc thực hiện 18.

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.

- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

- Việc lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Số việc thực hiện 20.

- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Việc lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc đăng ký nuôi con nuôi:

- Số việc thực hiện 01.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về hồ sơ: Đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.
- Việc lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

Việc cấp bản sao trích lục hộ tịch

- Số việc thực hiện 131.
- Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ: Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ theo quy định.
- Về lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định.

2.8.5. Việc thu, nộp tiền phí, lệ phí vào NSNN

- Số phí, lệ phí phải thu 16.864.000, đồng (*Mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn đồng*).

- Số phí, lệ phí đã thu, nộp NSNN 15.104.000, đồng (*Mười năm triệu, một trăm linh tư nghìn đồng*).

- Số phí, lệ phí chưa thu, nộp NSNN 1.760.000, đồng (*Một triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Thực hiện không đúng quy định tại Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022.

UBND xã quản lý việc thu, nộp tiền phí chứng thực, lệ phí hộ tịch không đúng quy định tại Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022.

2.8.6. Trách nhiệm của cá nhân đối với tồn tại, hạn chế

- | | |
|---------------------|--------------------------------|
| - Ông Nông Văn Sang | - Chủ tịch UBND xã; |
| - Bà Bé Thị Lành | - Phó Chủ tịch UBND; |
| - Ông Hà Văn Chiến | - Công chức Tư pháp - Hộ tịch; |
| - Ông Hoàng Văn Lại | - Công chức Tư pháp - Hộ tịch. |

.....